

**HỘI NGHỆ CÁ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
CHI HỘI NGHỆ CÁ LỘC BÌNH 3**



**PHƯƠNG ÁN
GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN ĐÀM HẢI PHÚ
CHO CHI HỘI NGHỆ CÁ LỘC BÌNH 3
XÃ LỘC BÌNH**



Dự án IMOLA hỗ trợ

LỘC BÌNH, 09/2010

MỤC LỤC

PHẦN 1:	1
TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHI HỘI NGHỀ CÁ LỘC BÌNH 3	1
1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá	1
1.2 Các hoạt động của CHNC đến nay	1
1.3 Tình hình tài chính của CHNC	1
1.4 Thành lập Ban đồng quản lý đầm phá	2
PHẦN 2:	3
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHNC	3
2.1 Tình hình khai thác thủy sản ở vùng mặt nước của chi hội	3
2.2 Nuôi trồng thủy sản	3
PHẦN 3:	5
KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN	5
3.1 Cơ sở pháp lý	5
3.2 Tọa độ địa lý của các vùng trong phạm vi giao quyền sử dụng mặt nước	6
3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC	6
3.2.2 Tiểu vùng nuôi ốc hương	7
3.2.3 Tiểu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ	7
3.2.4 Tiểu vùng nuôi hào	8
3.2.5 Tiểu vùng nuôi trai ngọc	8
3.2.6 Vùng khai thác chung	8
PHẦN 4:	8
PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI VÙNG ĐÀM HẢI PHÚ	9
4.1 Quy chế quản lý tài nguyên vùng đầm đối với mỗi vùng chuyên biệt	9
4.1.1 Tiểu vùng nuôi ốc hương	9
4.1.2 Tiểu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ	9
4.1.3 Tiểu vùng nuôi hào	10
4.1.4 Tiểu vùng nuôi trai ngọc	11
4.1.5 Tiểu vùng khai thác chung	11
4.2 Quy chế về hệ thống phí sử dụng tài nguyên	12
4.3 Quy chế xử lý vi phạm	13
4.4 Quy chế quản lý xung đột	14
4.5 Phối hợp với các quy chế khác của CHNC	14
4.6 Điều chỉnh quy chế	14
PHẦN 5	15
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG	15
5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện	15

5.2 Đăng ký người sử dụng và thu phí.....	16
5.3 Sắp lại ngư cụ và hoạt động NTTS	16
5.4 Tuần tra trên mặt nước đằm phá	16
5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn	16
5.6 Các hoạt động tuyên truyền	16
5.7 Cẩm mốc bổ sung.....	17
PHỤ LỤC.....	18

PHẦN 1: TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHI HỘI NGHỀ CÁ LỘC BÌNH 3

1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá

Chi hội Nghề cá (CHNC) Lộc Bình 3 được thành lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2008 theo Quyết định số 32/QĐ về thành lập CHNC Lộc Bình 3 do Tỉnh hội Nghề cá (THNC) ban hành (Phụ lục 1). Điều lệ Chi hội nghề cá Lộc Bình 3 đã được Ủy ban Nhân dân xã Lộc Bình thông qua theo Quyết định số 06 ngày 24/04/2008 (Phụ lục 2).

CHNC Lộc Bình 3 hoạt động trên hai lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản. CHNC hiện có 32 hội viên (tính đến ngày 01/01/2010), ban chấp hành (BCH) gồm năm (05) thành viên (Phụ lục 3 và 4). CHNC được chia thành hai phân hội theo vị trí địa lý.

1.2 Các hoạt động của CHNC đến nay

- Tổ chức Đại hội Chi hội ngày 23 tháng 04 năm 2009.
- Tập huấn và nâng cao nhận thức: Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho hội viên về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản như kỹ thuật nuôi ốc hương, kỹ thuật nuôi cá lồng, kỹ thuật nuôi trai lấy ngọc, 2 lớp an toàn vệ sinh thực phẩm và 2 lớp kỹ năng quản lý cho ban chấp hành chi hội.
- Thiết lập các tiểu vùng: Tiểu vùng ốc hương, tiểu vùng nuôi cá lồng với hai mảnh vỏ, tiểu vùng nuôi hào, nuôi trai ngọc, vùng khai thác chung
- Tổ chức các lễ hội truyền thống: đua thuyền, lễ cầu ngư, v.v...
- CHNC cũng thực hiện các hoạt động kinh tế khác để tạo nguồn quỹ cho chi hội như xây dựng mô hình ương cá chình.

1.3 Tình hình tài chính của CHNC

Tình hình tài chính của chi hội cho đến nay

STT	Nội dung	Thành tiền (đồng)
A	Tổng thu (phí hội viên và hội phí)	1,000,000
B	Tổng chi	800,000
1	Chi hội họp	200,000
2	Chi cho vay	600,000
C	Quỹ còn lại(A-B)	200,000

1.4 Thành lập Ban đồng quản lý đầm phá

Ban đồng quản lý (BDQL) thành lập ở xã Lộc Bình vào ngày 18/12/2009 đóng vai trò điều phối giữa CHNC và chính quyền địa phương. Thông tin chi tiết về BDQL được nêu ở Phụ lục 5.

PHẦN 2: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHNC

Chi hội nghề cá Lộc Bình 3 có mặt nước thuộc vùng đầm Hải Phú (tổng diện tích 79 ha). Đây là vùng đầm nhỏ thuộc hai xã Lộc Bình và Vinh Hiến quản lý, diện tích mặt nước ngày một thu hẹp lại do cát bồi từ biển vào đầm. Diện tích mặt nước của Chi hội nghề cá Lộc Bình 3 là rất nhỏ (36,5 ha) so với diện tích các vùng khác ở xã Lộc Bình. Một số nét nổi bật của đầm Hải Phú là:

- Độ mặn cao và ổn định cho toàn bộ diện tích mặt nước;
- Sự trao đổi nước trong đầm và biển kém nên nguy cơ ô nhiễm cao;
- Diện tích mặt nước thu hẹp dần;
- Khả năng tái tạo nguồn lợi thủy sản kém do nguồn lợi thủy sản du nhập các từ biển vào đầm là hạn chế.

2.1 Tình hình khai thác thủy sản ở vùng mặt nước của chi hội

Khai thác thủy sản ở mặt nước của chi hội đa dạng các nghề như nò sáo, rớ, chuôm, lưới rê (tính chung cho các loại lưới), lừ.

2.1.1 Nghề cố định

- Nghề nò sáo: Chi hội có 2 hộ khai thác nò sáo (tổng nò sáo của hai hộ là 2 trộ). Hai trộ nò sáo này có chiều dài cánh sáo ngắn. Đây là những trộ sáo nhỏ sản lượng thu hoạch hàng năm thấp;
- Nghề rớ: Chi hội có 11 trộ rớ, diện tích từ 35 - 120 m²/rớ;
- Nghề chuôm: Chi hội có khoảng 5 hộ tham gia khai thác chuôm với số lượng 15 trộ. Các trộ chuôm ở có diện tích nhỏ, vật liệu chủ yếu là gốc cây gỗ và tre.

2.1.2 Nghề di động

- Lưới rê: Chi hội có 15 hộ tham gia khai thác bằng lưới rê với khoảng 300 tay, tổng chiều dài khoảng 1,5km;
- Nghề lừ: Chi hội hiện có 4 hộ tham gia khai thác nghề lừ với 120 cheo lừ.

2. 2 Nuôi trồng thủy sản

Nuôi trồng thủy sản là thế mạnh của chi hội. Do độ mặn ổn định nên có thể nuôi được nhiều đối tượng có giá trị kinh tế. Nuôi trồng thủy sản chi hội Lộc Bình 3 gồm các hoạt động sau:

- Nuôi cá lồng: Chi hội hiện có khoảng 18 hộ với khoảng 80 lồng. Đối tượng nuôi chủ yếu là cá mú, cá hồng, cá vầu;

- Nuôi tôm: Chủ yếu là nuôi tôm thẻ chân trắng (ao nuôi tôm được thể hiện trên bản đồ), các hộ nuôi tôm không có ao xử lý nước thải, chất thải xả trực tiếp xuống đầm nên môi trường dễ bị ô nhiễm;

- Nuôi ốc hương: Hiện nay, trên mặt nước của chi hội có 4 hộ nuôi ốc hương với 500.000 con giống. Nghề nuôi ốc hương có thể mang lại thu nhập cao cho hội viên song tình hình dịch bệnh thường xuyên bị đe dọa, giá bấp bênh thường bị thương lái ép giá. Nếu nuôi ốc hương không theo quy hoạch sẽ gây ô nhiễm cho môi trường đầm phá và xuất hiện dịch bệnh;

- Nuôi hai mảnh vỏ: Thành viên của chi hội tham gia nuôi các đối tượng hai mảnh vỏ như hào, vẹm và nuôi trai ngọc.

Việc quản lý mặt nước chi hội nghề cá Lộc Bình 3 còn gặp một số khó khăn sau:

- Quyền khai thác mặt nước chưa được cấp cho Chi hội;

- Chưa có quy hoạch cụ thể chia mặt nước thành các vùng chuyên biệt;

- Sự thiếu ý thức của một số hội viên trong hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản làm cho môi trường đầm phá ô nhiễm;

- Việc phân chia mặt nước giữa hai chi hội và giữa hai xã Lộc Bình và Vinh Hiến chưa rõ ràng;

- Sự hợp tác kém, thỉnh thoảng có xung đột với các hộ nuôi trồng thủy sản ở Vinh Hiến;

- Thiếu việc quản lý tổng thể đầm Hải Phú.

Bản đồ thực trạng về khai thác và nuôi trồng thủy sản (NTTS) (không có phân vùng) nằm ở Phụ lục 6.

PHẦN 3: KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN

3.1 Cơ sở pháp lý

Quy chế đồng quản lý thủy sản đầm phá thông qua giao quyền sử dụng mặt nước được thực hiện dựa trên căn cứ:

- Quyết định số 347/QĐ ngày 23/5/1992 của Ủy ban Khoa học Nhà nước về việc ban hành tiêu chuẩn phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy Sản về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

- Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn về ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng;

- Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính Phủ về việc ban hành quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

- Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng;

- Quyết định số 3677/QĐ-UB ngày 25/10/2004 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể quản lý khai thác thủy sản vùng đầm phá Thừa Thiên Huế đến năm 2010;

- Quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND ngày 19/12/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành Quy chế Quản lý khai thác thủy sản đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Hướng dẫn số 159/HD-STS ngày 26/04/2006 của Sở Thủy sản nay là sở NN & PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Quy chế quản lý khai thác thủy sản đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Công văn số 4818/UBND-NN, ngày 15/10/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý nghề “Lừ xếp” khai thác trên đầm phá;

- Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 17/6/2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kế hoạch giải tỏa và sắp xếp lại nò sáo trên đầm phá Huyện Phú Lộc năm 2010;

- Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 24/02/2010 của UBND Huyện Phú Lộc về việc triển khai sắp xếp và chuyển đổi nò sáo đầm Cầu Hai, Huyện Phú Lộc - Tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Kế hoạch số 18/UBND-BCĐ ngày 28/06/2010 của BCĐ giải tỏa và sắp xếp lại nò sáo huyện về việc triển khai thực hiện giải tỏa và sắp xếp lại nò sáo trên đầm phá Cầu Hai huyện Phú Lộc giai đoạn II năm 2010.

3.2 Tọa độ địa lý của các vùng trong phạm vi giao quyền sử dụng mặt nước

Phần này cung cấp tọa độ/bản đồ chính xác phân định vùng thuộc phạm vi giao quyền khai thác. Tọa độ được cung cấp theo dạng vĩ độ/ kinh độ thập phân trên hệ WGS84 (nếu khác sẽ có ghi chú). Xem bản đồ phân vùng trong phụ lục 7.

3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC

Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC Lộc Bình 3 là vùng nằm trong giới hạn các điểm (đường ranh giới giữa hai xã Lộc Bình và Vinh Hiền) và đường bờ vùng đầm tự nhiên.

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ	Ghi chú
1	1HP	16.342704	107.943561	Cắm cọc bê tông
2	2HP	16.341313	107.941617	Cắm cọc bê tông
3	3HP	16.343693	107.934179	Cắm cọc bê tông
4	4HP	16.346477	107.929762	Cắm cọc bê tông
5	5HP	16.353610	107.922859	Cắm cọc bê tông

Tổng diện tích mặt nước đầm phá đề xuất giao quyền cho Chi hội Nghề cá Lộc Bình 3 là 36,5 ha và có các vùng chuyên biệt như sau:

Diện tích mỗi vùng chức năng thuộc CHNC Lộc Bình 3 (tính đến ngày 18/06/2010)

Tên vùng/chức năng vùng	Số vùng chuyên biệt	Tổng diện tích (ha)
1. Tiểu vùng nuôi ốc hương	1	0,3
2. Tiểu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ	3	2,0
3. Tiểu vùng nuôi hào	2	1,4
4. Tiểu vùng nuôi trai ngọc	2	3,0
5. Tiểu vùng khai thác chung	1	29,8
Tổng		36,5

3.2.2 Tiêu vùng nuôi ốc hương

Tiêu vùng nuôi ốc hương có diện tích 0,3 ha, được xác định bởi các điểm ở bảng sau:

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	O.1	16.340223	107.941731
2	O.2	16.340568	107.941736
3	O.3	16.340558	107.942488
4	O.4	16.340213	107.942483

3.2.3 Tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ

Có 3 tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ với tổng diện tích 2 ha. Mỗi tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ này nằm dọc bờ vùng đầm và được xác định bởi các điểm sau:

Tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ 1 (0,6 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	LHI.1	16.346707	107.928826
2	LHI.2	16.346846	107.928989
3	LHI.3	16.345468	107.929967
4	LHI.4	16.345353	107.929793

Tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ 2 (1,1 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	LHII.1	16.341772	107.933607
2	LHII.2	16.342100	107.933787
3	LHII.3	16.341064	107.935811
4	LHII.4	16.340759	107.935644

Tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ 3 (0,3 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	LHIII.1	16.340203	107.939716
2	LHIII.2	16.340516	107.939808
3	LHIII.3	16.340319	107.940528
4	LHIII.4	16.340039	107.940446

3.2.4 Tiểu vùng nuôi hàu

Tiểu vùng nuôi hàu có diện tích tổng cộng là 1,4 ha và được xác định bởi các điểm sau:

Tiểu vùng nuôi hàu 1 (0,7 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	HI.1	16.351472	107.925185
2	HI.2	16.351740	107.925452
3	HI.3	16.350481	107.926806
4	HI.4	16.350250	107.926575

Tiểu vùng nuôi hàu 2 (0,7 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	HII.1	16.344493	107.930540
2	HII.2	16.344846	107.930729
3	HII.3	16.343929	107.932341
4	HII.4	16.343623	107.932177

3.2.5 Tiểu vùng nuôi trai ngọc

Tiểu vùng nuôi trai ngọc có diện tích 3,0 ha, được xác định với các điểm ở bảng sau:

Tiểu vùng nuôi trai ngọc 1(1,5 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	TI.1	16.342357	107.933605
2	TI.2	16.343133	107.933617
3	TI.3	16.343109	107.935365
4	TI.4	16.342333	107.935354

Tiểu vùng nuôi trai ngọc 2 (1,5 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	TII.1	16.340866	107.936293
2	TII.2	16.341715	107.936306
3	TII.3	16.341690	107.938119
4	TII.4	16.340841	107.938107

3.2.6 Vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung về nguyên tắc là tất cả diện tích mặt nước không thuộc bất kỳ tiểu vùng chuyên biệt nào nêu trên đây. Đây là vùng sử dụng chung cho ngư cụ cố định và di động. Ngư cụ di động gồm lưới rê, lờ, soi, câu. Ngư cụ cố định chuôm, rờ. Quy định đối với từng loại ngư cụ cụ thể ở phần 4

PHẦN 4:

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI VÙNG ĐÀM HẢI PHÚ

4.1 Quy chế quản lý tài nguyên vùng đầm đối với mỗi vùng chuyên biệt

Mỗi vùng chức năng có một quy chế riêng biệt quy định nghề nào được phép hoạt động và hoạt động theo phương thức nào. Nguyên tắc chung áp dụng ở Lộc Bình 3 như sau:

- Tất cả người sử dụng mặt nước mà có ngư cụ cố định làm nghề NTTS phải là hội viên CHNC Lộc Bình 3, họ phải đăng ký ngư cụ và lồng, bè nuôi trồng thủy sản phải đóng đầy đủ phí sử dụng tài nguyên theo yêu cầu trước khi bắt đầu các hoạt động để chi hội giám sát và hoạt động tốt hơn.

- Người ngoài hội viên của CHNC chỉ được phép khai thác di động ở vùng quy định khi đã đăng ký (trừ nghề lừ không được khai thác) và đóng phí sử dụng đầy đủ cho CHNC. Họ có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định của CHNC.

4.1.1 Tiểu vùng nuôi ốc hương

- Tiểu vùng này chỉ dành riêng cho nuôi ốc hương các hoạt động khác không được phép;

- Tổng số lượng con giống tối đa cho phép cho vùng này phải là 500.000 con giống;

- Mỗi hộ được phép nuôi tối đa phải là 5 lồng/hộ;

- Kích thước lồng nuôi ốc hương phải là 3mx7m, chiều cao từ 1- 2m tùy theo độ sâu;

- Giống phải được kiểm tra của các cơ quan chức năng;

- Tuân thủ lịch thời vụ do cơ quan nhà nước ban hành.

4.1.2 Tiểu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ

- Vùng này chỉ dành cho nuôi cá lồng và nuôi kết hợp với các loài 2 mảnh;

- Lồng phải được đặt trong khu vực quy định dành cho lồng;- Tổng số lồng tối đa không vượt quá 130 lồng, trong đó 40 lồng ở tiểu vùng 1, 60 lồng ở tiểu vùng 2 và 30 lồng ở tiểu vùng nuôi cá lồng 3;

- Số lồng tối đa phải là 4 lồng/hộ;

- Kích thước lồng phải là 3m x 2m x 2,5m;

- Vật liệu làm lồng là lưới nylon và khung sắt hoặc gỗ;

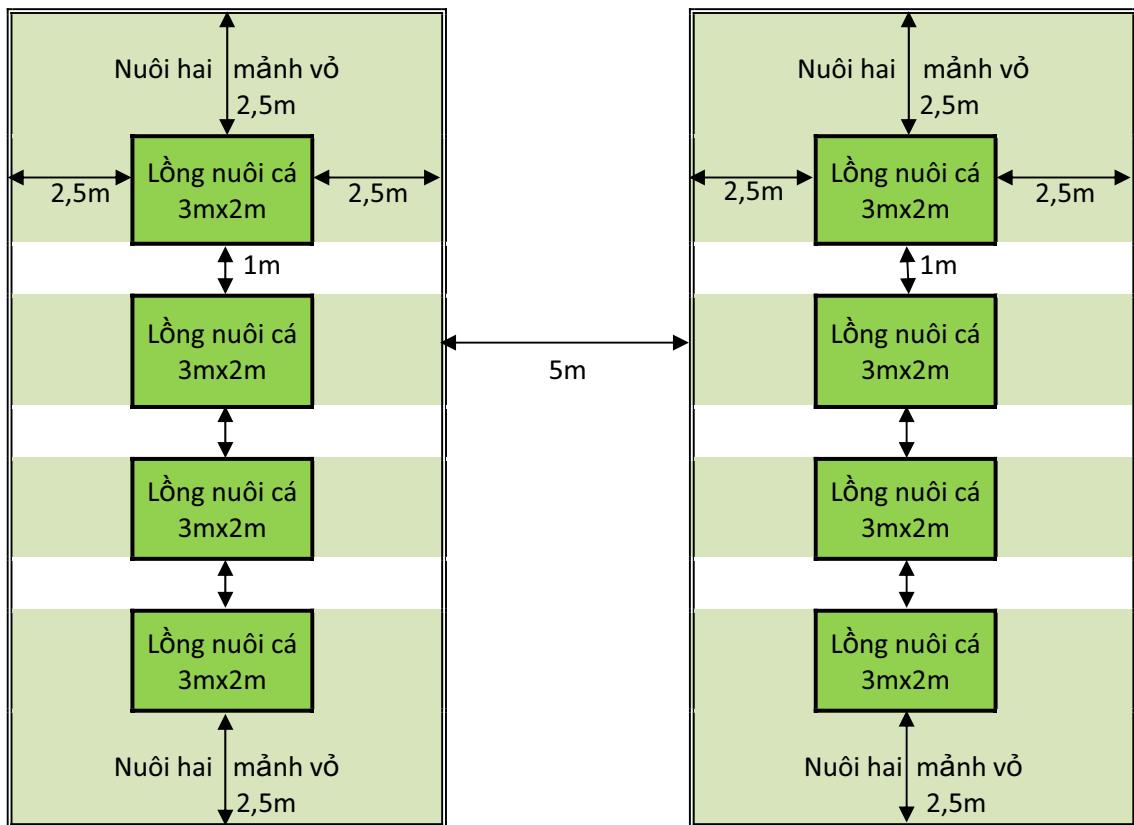
- Nên để khoảng cách tối thiểu giữa các lồng phải là 1m và giữa các hàng là 10m;

- Các đối tượng nuôi là cá mú, cá hồng, cá vầu và cá đém bạc;

- Các loài mới trước khi đưa vào nuôi phải được CHNC cho phép;

- Không khuyến khích sử dụng cá tạp, nên tìm ra một loại thức ăn thay thế khác;
- Không khuyến khích sử dụng cá tạp thô/chưa nấu chín để tránh ô nhiễm nguồn nước và dịch bệnh;
- Tiêu vùng để nuôi hai mảnh vỏ là vùng trong vòng 2,5m tính từ lồng như thể hiện sơ đồ dưới đây; khoảng cách giữa hai cọc, hai lồng, 2 dây... liên tiếp nhau để nuôi các loài hai mảnh vỏ phải cách nhau tối thiểu phải là 50cm.

- Sơ đồ tiêu vùng nuôi cá lồng và hai mảnh vỏ



■ Tiêu vùng nuôi hai mảnh vỏ

■ Tiêu vùng nuôi cá lồng

4.1.3 Tiêu vùng nuôi hào

- Vùng này chỉ dành riêng cho nuôi hào;
- Mỗi hộ nuôi với diện tích tối đa phải là 500m²;
- Các vật liệu làm giá thể cho hào bám không ảnh hưởng đến môi trường vùng đầm;
- Cọc làm giá thể cho hào bám phải cắm phải cách nhau tối thiểu 50cm để lưu thông nước tốt và cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho hào phát triển.

4.1.4 Tiểu vùng nuôi trai ngọc

- Vùng này chỉ dành riêng cho nuôi trai ngọc;
- Tổng số bè tối đa trong tiểu vùng nuôi trai ngọc 1 phải là 2 bè và trong tiểu vùng nuôi trai ngọc 2 phải là 3 bè;
- Diện tích tối đa mỗi bè phải là 200m^2 ;
- Khoảng cách tối thiểu hai bè cách nhau phải là 40m.

4.1.5 Tiểu vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung của CHNC Lộc Bình 3 là vùng sử dụng chung cho ngư cụ di động và một số ngư cụ cố định. Các hoạt động nuôi trồng thủy sản không được phép hoạt động trong tiểu vùng này.

Ngư cụ cố định

a. Nò sáo

Nò sáo không được khai thác vì cản trở dòng chảy.

b. Ngư cụ rớ

- Chỉ là 11 hộ làm rớ hiện tại (11 rớ) mới được phép hoạt động rớ; không được phép tăng thêm số lượng;
- Một hộ được phép sở hữu 1 trộ rớ;
- Các trộ rớ không được đặt vi phạm ranh giới giữa hai xã;
- Hai rớ liền kề cách nhau tối thiểu phải là 100m;
- Kích thước lưới của rớ tối đa phải là $10\text{m} \times 12\text{m}$;
- Mắt lưới tối thiểu của rớ phải là $2a=18\text{mm}$;

c. Ngư cụ chuôm

- Số lượng tối đa trong vùng này phải là 15 trộ chuôm;
- Kích cỡ một chuôm không được vượt quá 50m^2 / trộ;
- Mỗi hộ không làm tối đa 3 chuôm;
- Khoảng cách tối thiểu giữa hai trộ chuôm liên tiếp nhau phải là 100 m;
- Kích cỡ mắt lưới tối thiểu để thu hoạch chuôm phải là $2a = 18\text{mm}$;
- Khai thác chuôm tối đa phải là 3 lần/năm;
- Thời gian thu hoạch chuôm tối thiểu phải cách nhau 4 tháng.

Ngư cụ di động

- Người ngoài hội viên đóng phí cho CHNC Lộc Bình 3 được phép hoạt động khai thác di động (ngoại trừ lừ) trên vùng khai thác chung của vùng đầm Hải Phú;

- Hội viên và người ngoài hội viên của CHNC NTTS Vinh Hiền đóng phí khai thác di động (trừ lừ) theo quy định của CHNC NTTS Vinh Hiền sẽ

được phép khai thác di động trong vùng đánh bắt chung của CHNC Lộc Bình 3 mà không cần đóng phí sử dụng tài nguyên cho CHNC Lộc Bình 3;

- Trong cả hai trường hợp trên, người khai thác phải tuân thủ quy chế của chi hội Lộc Bình 3.

a. Lừ

- Bốn hộ lừ hiện tại phải được duy trì, những hộ khác không được khai thác lừ;

- Tất cả lừ do những hộ ngoài bốn hộ trên khai thác bị giải tỏa;
- Số lượng lừ tối đa mỗi hộ lừ được phép sử dụng phải là 30 chèo lừ/ hộ¹.
- Không được đặt lừ ở chỗ nước có độ sâu dưới 0,8m;
- Ban ngày lừ phải có phao báo hiệu và ban đêm phải có phao sáng để dễ nhận dạng trên mặt nước;
- Chiều dài tối đa của mỗi lừ phải là 10m;
- Kích cỡ của khung sắt hình chữ nhật phải là 34cm (dài) và 22cm (cao);
- Mật lưới tối thiểu ở lưới lừ phải là $2a=18\text{mm}$.

b. Lưới rê

- Số lượng tối đa đối với hộ chuyên lưới rê là 10 tay, tổng chiều dài tối đa phải là 500m;
- Số lượng tối đa đối với hộ không chuyên lưới rê là 5 tay, tổng chiều dài tối đa phải là 250m;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu của các loại lưới phải là $2a=40\text{mm}$.

4.2 Quy chế về hệ thống phí sử dụng tài nguyên

Hoạt động	Phí sử dụng tài nguyên (VND/năm)	
	Hội viên	Ngoài hội viên
Lồng	10.000/lồng	Không được phép
Ốc hương	10.000/vạn giống	Không được phép
Hai mảnh vỏ*	10.000/100m ²	Không được phép
Bè trai ngọc	50.000/bè	Không được phép
Nghề rờ		Không được phép
> 60 m ²	40.000/rờ	
< 60m ²	20.000/rờ	
Chuôm	40.000/trộ	Không được phép
Lừ	20.000/hộ	Không được phép
Lưới rê	50.000/hộ	100.000/hộ
Soi	30.000/hộ	60.000/hộ
Câu		

* Ngoại trừ trai ngọc

¹ Tạm thời quy định như vậy, về lâu về dài phải tuân thủ theo quy định của tỉnh, huyện

- Người sử dụng tài nguyên nên đóng phí trực tiếp cho CHNC trước khi khai thác hoặc tiến hành NTTS;
- Thu phí sử dụng tài nguyên quanh năm;
- Thời hạn hiệu lực của quyền đánh cá đi kèm phí sử dụng tài nguyên là một năm kể từ ngày đóng phí;
- Tiền thu từ phí sử dụng tài nguyên nêu trên chỉ sử dụng cho hoạt động của CHNC, hành chính và các hoạt động quản lý đầm phá. 80% quỹ từ nguồn này để lại cho chi hội và 20% nộp lên cho UBND xã sử dụng vào mục đích quản lý đầm phá;
- Nguồn thu từ người khai thác di động (lừ, lưới rê, soi, câu) sẽ làm quỹ chung cho CHNC Lộc Bình 3 và CHNC NTTS Vinh Hiền để hai bên cùng quản lý vùng khai thác chung của hai chi hội;
- Báo cáo tài chính mỗi năm sẽ do BCH CHNC làm, trình bày chi tiết tình hình thu, chi và số dư của Chi hội;
- CHNC sẽ chuẩn bị và trình bày kế hoạch ngân sách cho năm sau vào cuối mỗi năm và lấy ý kiến của hội viên để chuẩn y trong các cuộc họp lớn hoặc Đại hội;
- Hệ thống phí sử dụng trên đây có thể thay đổi mỗi năm tùy theo quyết định được Đại hội nhất trí.

4.3 Quy chế xử lý vi phạm

- Khi phát hiện có sự vi phạm quy chế trong mặt nước Lộc Bình 3 thì CHNC và đội tuần tra có quyền lập biên bản và tịch thu ngư cụ, dụng cụ NTTS như một hình thức phạt;
- CHNC hoặc đội tuần tra có thể tịch thu ngư cụ và dụng cụ NTTS phạm quy mà không cần phải thông báo trước cho chủ nhân;
- CHNC và đội tuần tra không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng hay mất mát đối với các ngư cụ và dụng cụ NTTS phạm quy bị tịch thu;
- Quyết định xử lý ngư cụ và dụng cụ NTTS và mức độ phạt sẽ theo các nguyên tắc sau:
 - a) Nếu vi phạm thuộc phạm vi quy định cấp quốc gia, và nếu phải áp dụng các chế tài hành chính thì mức phạt sẽ theo quy định tại nghị định số 31/2010/NĐ-CP quy định mức xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
 - b) Các vi phạm khác sẽ do CHNC và UBND xã xử lý theo các nguyên tắc sau đây:
 - Vi phạm lần 1 nộp 50.000đ vào quỹ chi hội và bị khiển trách trước phân hội;
 - Vi phạm lần 2 nộp 100.000đ vào quỹ chi hội và bị cảnh cáo trước chi hội;
 - Người vi phạm lần 3 nộp 200.000đ vào quỹ chi hội và bị khai trừ khỏi chi hội;

+ Nếu người vi phạm không phải là hội viên chi hội thì sẽ bị phạt theo mức nói trên và không được phép khai thác trong vùng mặt nước của chi hội nữa.

c) Nếu vi phạm nghiêm trọng, chi hội sẽ trình lên cấp có thẩm quyền xử lý;

d) Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ báo cáo lên BĐQL trong các cuộc họp định kỳ.

4.4 Quy chế quản lý xung đột

Xung đột xảy ra thuộc thẩm quyền chi hội thì BCH chi hội sẽ căn cứ Điều lệ, quy chế để giải quyết. Những xung đột mà CHNC xét thấy vượt quá thẩm quyền thì sẽ chuyển lên UBND xã giải quyết, hoặc xin ý kiến chuyển tiếp lên cấp có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật.

4.5 Phối hợp với các quy chế khác của CHNC

Nếu quy chế này và các quy chế hiện hành khác của CHNC có sự mâu thuẫn hoặc bất đồng thì sẽ xử theo quy chế này.

4.6 Điều chỉnh quy chế

Nếu thấy cần thì CHNC, UBND xã hoặc bất kỳ cơ quan nào có liên quan đều có thể đề xuất điều chỉnh quy chế này. Việc điều chỉnh phải được cả năm bên, tức CHNC Lộc Bình 3, UBND xã Lộc Bình, CHNC NTTS Vinh Hiền, UBND xã Vinh Hiền và UBND huyện Phú Lộc nhất trí.

PHẦN 5 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Phần này trình bày chi tiết và lịch trình các hoạt động sau khi đã giao quyền cho CHNC; hoạt động gồm triển khai (đăng ký và thu phí), giám sát và chấp pháp (tuần tra), các nỗ lực bảo vệ, tuyên truyền và các hoạt động khác.

5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện

Thời gian giao quyền sử dụng mặt nước ở Lộc Bình theo dự kiến là 5 năm theo Quyết định số 3677/QĐ-UB. Lịch trình thực hiện mỗi hoạt động (thông tin chi tiết sẽ nêu trong các phần sau) trình bày ở bảng dưới:

Hoạt động	2010	2011	2012	2013	2014	Đơn vị thực hiện
Đăng ký người sử dụng và thu phí	T10-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC
Ban đồng quản lý tính toán nguồn thu và phân bổ phí thu từ ngư cụ di động	T12	T12	T12	T12	T12	Các CHNC, UBND xã
Giải tỏa nò sáo theo quy định của huyện	T10-T12					CHNC, UBND xã, Phòng NN
Đăng ký lừ	T10-T12					CHNC, UBND xã
Sắp xếp lại NTTS theo kế hoạch phân vùng của CHNC	T10-T12					CHNC, UBND xã
Tuần tra mặt nước đầm phá	T10-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC, UBND xã
Làm vệ sinh đầm phá	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	CHNC, UBND xã
Thả giống vào đầm phá (để tăng lượng cá)	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	CHNC, UBND xã
Các hoạt động tuyên truyền	T10-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC, UBND xã
Cắm mốc bổ sung	T10-T12					CHNC
Gia hạn quyền khai thác thủy sản					T11-T12	CHNC, UBND xã, Phòng NN

5.2 Đăng ký người sử dụng và thu phí

Người sử dụng sẽ đăng ký ban đầu với CHNC và đóng đủ phí sử dụng tài nguyên trong vòng 3 tháng kể từ ngày được giao quyền, mặc dù quá trình đăng ký người sử dụng vẫn liên tục thực hiện suốt năm. Khi được giao quyền, CHNC sẽ tổ chức một cuộc họp lớn để thông báo đến tất cả hội viên CHNC về phí sử dụng tài nguyên, thúc đẩy đăng ký và đóng phí. CHNC cũng sẽ tìm cách báo cho người ngoài hội biết chi hội có chế độ và nghĩa vụ đăng kí nghề và đóng phí.

5.3 Sắp lại ngư cụ và hoạt động NTTS

Giải tỏa ngư cụ (2 triệu sáo) theo dự kiến sẽ thực hiện vào tháng 8 năm 2010 theo kế hoạch phân vùng như đã nêu trong quy chế này.

5.4 Tuần tra trên mặt nước đầm phá

CHNC Lộc Bình 3 đã tổ chức một đội tuần tra đầm phá gồm 6 thành viên: 5 hội viên CHNC, 1 công an. Sau khi giao quyền sử dụng mặt nước chi hội tổ chức tuần tra 2 lần/tháng; việc tuần tra sẽ thực hiện ngẫu nhiên và có hợp tác chặt chẽ với UBND xã. Đội tuần tra sẽ không thông báo lịch tuần tra cho ngư dân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc.

5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn

Sau khi giao quyền sử dụng mặt nước, CHNC sẽ tiến hành vệ sinh môi trường đầm phá một năm hai lần, có hội viên CHNC tham gia đầy đủ cùng các trường học địa phương; đây là một cách giáo dục cho học sinh ý thức về môi trường.

CHNC cũng tiến hành hoạt động thả tài nguyên cá giống vào đầm phá (nhằm tái tạo tài nguyên) ít nhất một năm một lần nhằm duy trì lượng cá ở đầm phá. Thành phần loài sẽ quyết định tùy theo góp ý của nhiều bên có liên quan. Tránh thả các loại giống lạ.

5.6 Các hoạt động tuyên truyền

CHNC Lộc Bình 3 từ trước đến nay đã vận động người dân trong khu vực và tổ chức nhiều cuộc họp và sự kiện để quảng bá hình ảnh của chi hội, các hoạt động và quy chế hội. Sau khi được giao quyền sử dụng mặt nước, chi hội sẽ cố gắng nâng cao nhận thức của người dân địa phương và người sử dụng tài nguyên bằng các hình thức:

- Tổ chức các cuộc họp lớn và tập huấn;
- Tổ chức các lễ hội truyền thống nghề cá;
- Vệ sinh đầm phá một năm hai lần;
- Phát tờ rơi để nâng cao ý thức bảo vệ đầm phá và tầm quan trọng của CHNC;

- Cấm biển báo hiệu và/ hoặc áp phích ở các vị trí chiến lược để thông tin thêm về các hóa chất cấm, các hoạt động khai thác phi pháp, các loài cần bảo vệ, kích cỡ thu hoạch, và phân vùng cũng như quy chế CHNC;

- Phân bố thông tin qua loa phóng thanh, và nếu được là qua đài phát thanh và/hoặc truyền hình.

5.7 Cấm mốc bổ sung

Các vùng nuôi lồng đề cập trong đề án này sẽ cấm mốc báo hiệu bằng bê-tông hoặc tre vào tháng 6 năm 2010.

PHỤ LỤC

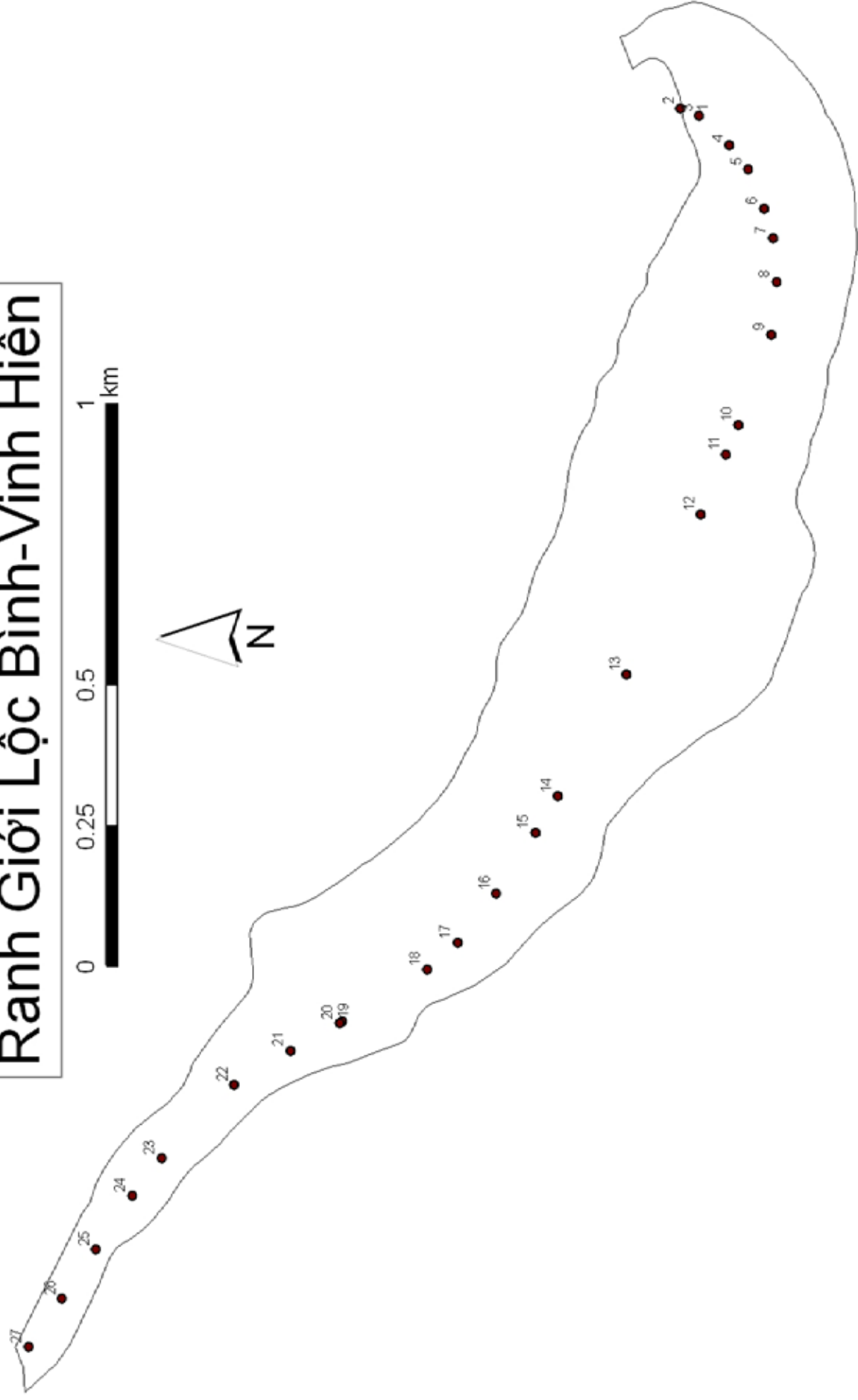
1. Quyết định của Tỉnh hội về thành lập CHNC
2. Điều lệ hội
3. Danh sách thành viên BCH
4. Danh sách hội viên CHNC
5. Thỏa thuận về thành lập ban đồng quản lý (đã ký)
6. Bản đồ thực trạng ngư cụ và NTTS
7. Bản đồ phân vùng mặt nước CHNC (gồm các vùng chức năng)

Xác nhận của UBND xã Lộc Bình

**Chi hội Nghề cá Lộc Bình 3
Chủ tịch**

Lê Viết Sơn

Ranh Giới Lộc Bình-Vinh Hiền

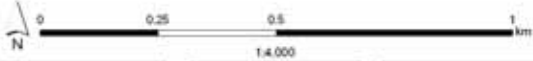
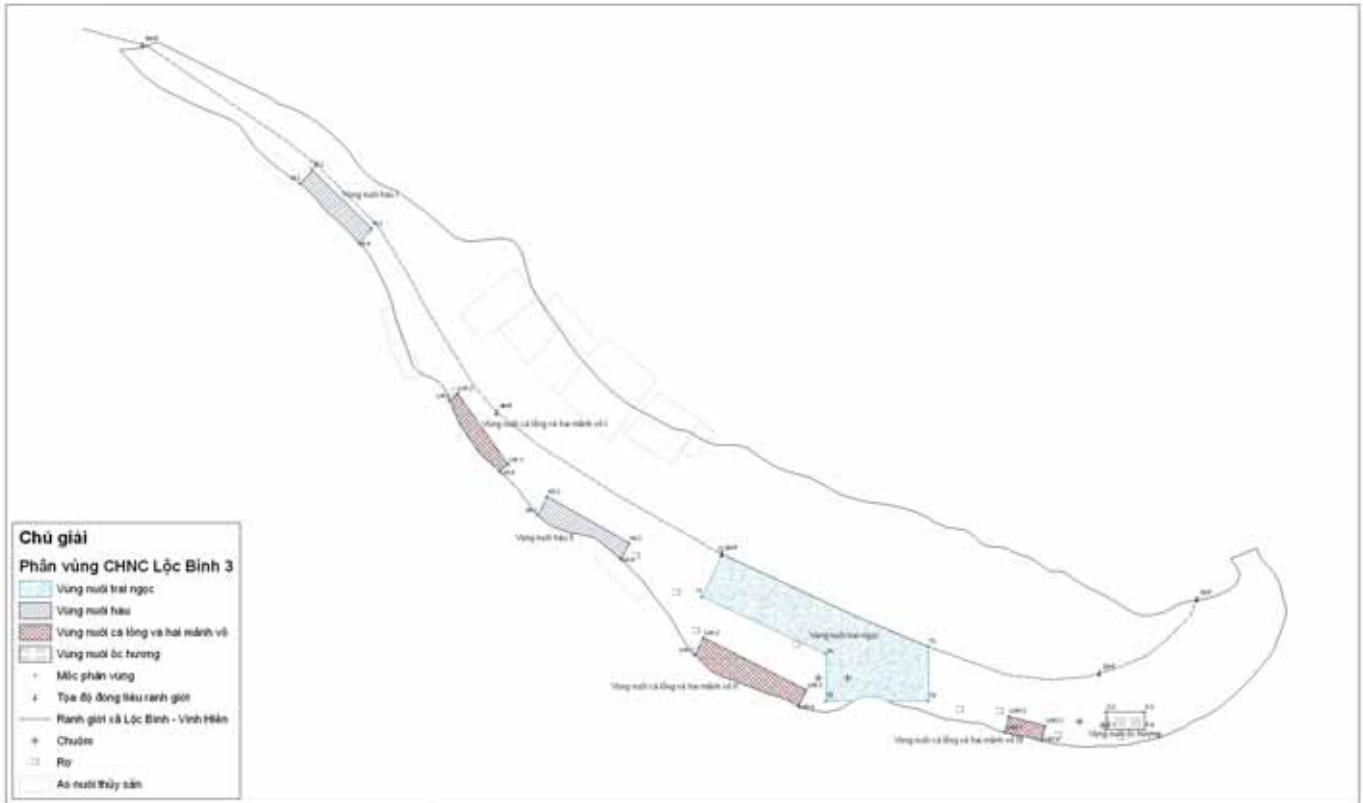


Chú giải

- Ranh giới LB-VH theo tọa độ chính thức



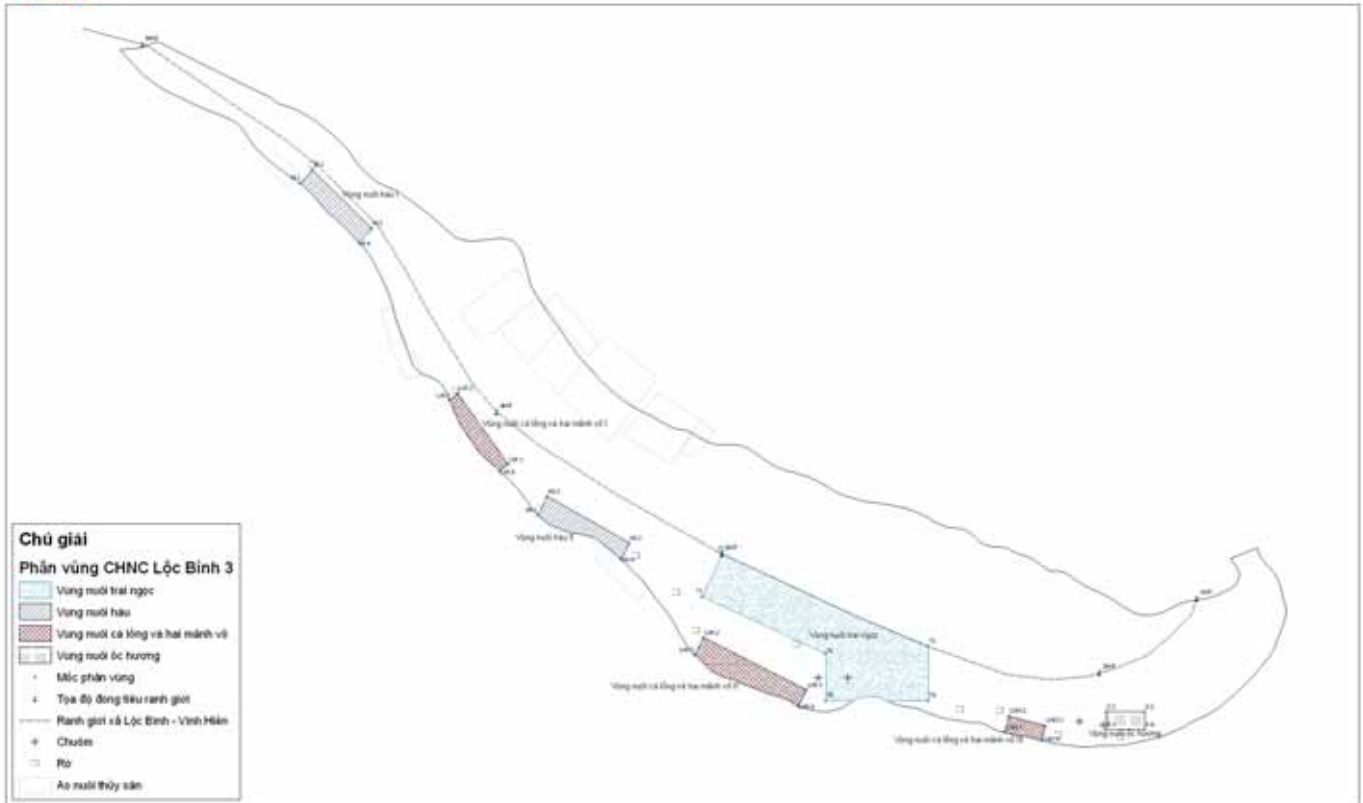
BẢN ĐỒ CẤP QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN CHO CHI HỘI NGHỀ CÁ LỘC BÌNH 3 XÃ LỘC BÌNH



Chi Hội Nghề Cá Lộc Bình 3 Lê Văn Sơn	Ủy Ban Nhân Dân Xã Lộc Bình	Phòng Nông PT&T Huyện Phú Lộc	Phòng TH&MT Huyện Phú Lộc	Ủy Ban Nhân Dân Huyện Phú Lộc
--	-----------------------------	-------------------------------	---------------------------	-------------------------------



BẢN ĐỒ CẤP QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN CHO CHI HỘI NGHỀ CÁ LỘC BÌNH 3 XÃ LỘC BÌNH



Chi Hội Nghề Cá Lộc Bình 3 Lê Văn Sơn	Ủy Ban Nhân Dân Xã Lộc Bình	Phòng Nông PT&T Huyện Phú Lộc	Phòng TH&MT Huyện Phú Lộc	Ủy Ban Nhân Dân Huyện Phú Lộc
--	-----------------------------	-------------------------------	---------------------------	-------------------------------